TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2019/DS-PT
Ngày 13-11-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;

Bà Lê Thị Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2019/TLPT-DS ngày 04/10/2019 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DSST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Số 89, tổ 5, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 144/C đường ĐT744, tổ 1, ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh Hoàng S, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 7, đường H, Phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019); có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Ngọc L, sinh năm 1979; trú tại: Số 89C, tổ 5, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trương Văn D, sinh năm 1939; trú tại: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; trú tại: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Trương Chiến L, sinh năm 1978; trú tại: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2018; biên bản hòa ngày 03/5/2019, ngày 15/7/2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà Trương Thị L là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 335, tờ bản đồ số 42, với diện tích là 5.533m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 254847, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01396 ngày 25/10/2006 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp cho bà Trương Thị L. Phần đất này có nguồn gốc do cha và mẹ (ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H) tặng cho vào năm 2006. Lúc cha và mẹ tặng cho đất thì trên đất có trồng sẵn cây cao su, hiện nay phần cây cao su này không còn nữa vì bà Trương Thị L đã thanh lý. Lúc phân chia đất thì ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp cắm ranh để phân chia đất, đất của bà Trương Thị L có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp thửa đất 202 đất ông Nguyễn Văn T.

Hướng Tây giáp thửa 334 đất của ông Trương Ngọc L.

Hướng Nam giáp thửa 206 đất của ông Trương Ngọc L, Trần Ngọc D, Trương Chiến L và thửa 337 đất bà Trương Thị L1.

Hướng Bắc giáp đường đất.

Vào năm 2014, có xảy ra tranh chấp vì cột mốc có xê dịch nên bà Trương Thị L đã yêu cầu ra chính quyền xã A giải quyết. Ngày 17/7/2014, Hội đồng hòa giải xã A tổ chức hòa giải, quá trình hòa giải thì bà Trương Thị L và ông Trương Ngọc L thống nhất xác định ranh đất như sau: Đất bà Trương Thị L cạnh phía bắc có chiều dài 59,3m từ ranh đất ông Thành qua đến ranh đất ông Trương Ngọc L. Tuy nhiên, biên bản hòa giải lập ngày 17/7/2014 chỉ là tạm thời vì đo bằng thước dây, đo theo đường công của ranh đất nên số liệu không chính xác. Hội đồng hòa giải có hướng dẫn bà Trương Thị L đến liên hệ bộ phận đo đạc của Phòng Tài nguyên và Môi trường để đo lại đất cho chính xác nhưng do hoàn cảnh cuộc sống khó khăn nên bà Trương Thị L chưa đủ khả năng để yêu cầu đo đạc lại phần đất của mình tại thời điểm hòa giải thành.

Ngày 17/11/2017, bà Trương Thị L liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B để đo vẽ lại theo cột mốc mà Hội đồng hòa giải xã A đã xác định thì số đo phần ranh đất phía bắc của bà Trương Thị L chỉ dài 57,8m, thiếu 1,5m so với bản vẽ hồ sơ gốc. Đồng thời số đo phần đất phía bắt của ông

Trương Ngọc L là 58,5m, tăng lên 1,5m so với số đo bản vẽ hồ sơ gốc là 57m nên bà Trương Thị L đã không đồng ý ký tên vào bảng vẽ mới lập này và yêu cầu ông Trương Ngọc L phải trả lại 1,5m theo đúng bản vẽ gốc nhưng ông Trương Ngọc L không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Ngoài ra, vào ngày 24 tháng 02 năm 2018, ông Trương Ngọc L tiếp tục cho người xây hàng rào tường kiên cố, vị trí của hàng rào nằm ngay trên vị trí mà hai bên hòa giải thành do Ủy ban nhân xã A lập vào ngày 17/7/2014. Nay bà Trương Thị L yêu cầu ông Trương Ngọc L phải trả lại phần đất có diện tích 90,7m^2 theo Sơ đồ bản vẽ ngày 25/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B.

Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15/7/2019 và Biên bản hòa giải ngày 15/7/2019, bà Trương Thị L trình bày: Hàng cây cao su trên đất tranh chấp bao gồm 26 cây trên 10 năm tuổi là thuộc quyền sở hữu của ông Trương Ngọc L, tường rào trên đất tranh chấp cũng do ông Trương Ngọc L xây dựng vào tháng 02/2018. Nay bà Trương Thị L yêu cầu ông Trương Ngọc L phải tự thanh lý, tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để trả lại đất cho bà Trương Thị L.

- Theo Bản tự khai ngày 06/8/2018 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trương Ngọc L trình bày:

Năm 2006, ông Trương Ngọc L và các anh chị em trong gia đình được cha và mẹ tặng cho đất và cây cao su trên đất. Phần đất ông Trương Ngọc L được tặng cho thuộc thửa đất số 334, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại ấp A, xã A, thị xã B, đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01393 ngày 25/10/2006. Khi tặng cho đất, cha và mẹ là người tự căng dây ny lon, tự đào lỗ chôn cột bê tông làm ranh, ranh đất giữa ông Trương Ngọc L và bà Trương Thị L được xác định bởi 02 cột xi măng: 01 cột nằm gần giếng nước ở phía nam, cách hàng cao su của ông Trương Ngọc L khoảng 01m, 01 cột xi măng còn lại nằm giáp đường xe phía bắc, cách hàng cao su của ông Trương Ngọc L khoảng 01m. Tới năm 2015 thì bà Trương Thị L đã thanh lý toàn bộ cây cao su trên đất.

Vào năm 2014, bà Trương Thị L có khởi kiện ông Trương Ngọc L và đã được Ủy ban nhân dân xã A giải quyết, lúc này khi đo vẽ đã thấy rõ cột mốc mới lấn chiếm sang đất của ông Trương Ngọc L là 1,5m. Nhưng là chỗ anh em nên khi đo lại ông Trương Ngọc L đồng ý cho bà Trương Thị L xác định lại ranh đất đồng thời tại Biên bản hòa giải ngày 17/7/2014 bà Trương Thị L đã xác định kể từ thời điểm ký liên ranh, các đương sự không xảy ra tranh chấp. Bà Trương Thị L là người giám sát việc cắm mốc, ranh đất vẫn còn như cũ nay bà Trương Thị L lại tiếp tục khởi kiện là không có căn cứ.

Đến ngày 24/7/2017, ông Trương Ngọc L ký hợp đồng cho ông Trương Chiến L thuê toàn bộ phần đất được cha và mẹ tặng cho nêu trên để ông Trương Chiến L tiến hành đầu tư nhà xưởng sản xuất kinh doanh và cho thuê lại. Ông Trương Chiến L cũng đã tiến hành làm xong các thủ tục xin chủ trương đầu tư nhà xưởng cưa xẻ, chế biến gỗ, đóng tủ, bàn ghế. Khoảng tháng 1-2/2018, ông Trương Ngọc L tiến hành xây hàng rào, kết cấu gạch block, trên có đổ đà, đổ trụ

bê tông kiên cố. Thời gian xây hàng rào là 20 ngày, có sự chứng kiến của bà Trương Thị L, ông Trương Chiến L và bà Nguyễn Thị H. Hàng rào do ông Trương Ngọc L xây dựng đúng ngay trên cột mốc và ranh đất đã cắm xác định lại theo biên bản hòa giải thành lập tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 17 tháng 7 năm 2014. Trong quá trình xây dựng thì bà Trương Thị L không hề có ý kiến hay yêu cầu gì.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L, ông Trương Ngọc L không đồng ý. Ông Trương Ngọc L cho rằng mục đích bà Trương Thị L khởi kiện ông Trương Ngọc L là để ngăn chặn việc ông Trương Chiến L thực hiện xây dựng nhà xưởng. Đối với số đo cạnh hướng bắc giáp đường đất có chiều dài tổng cộng là 59,3 m, tính từ ranh đất ông Thành kéo dài đến ranh đất ông Trương Ngọc L theo Biên bản hòa giải ngày 17/7/2014 là do đo bằng thước dây, đo theo đường cong của ranh đất nên có thể số đo không chính xác nhưng ông Trương Ngọc L vẫn thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận. Ông Trương Ngọc L khẳng định không lấn chiếm đất của bà Trương Thị L nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L vì: Ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp phân chia đất cho các con, biết rõ ranh đất của các bên. Bà Nguyễn Thị H là người giám sát và là người chỉ ranh để ông Trương Ngọc L xây dựng tường rào. Cây cao su trồng trên đất của ông Trương Ngọc L và bà Trương Thị L là do bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn D trồng vào năm 2002, đến thời điểm tặng cho đất thì cây đã gần 05 năm tuổi nên việc phân chia đất rất rõ ràng. Hàng cây cao su của ông Trương Ngọc L cách ranh đất khoảng 01m, lý do chừa ranh như vậy là để sau này có thể dễ dàng cạo mủ cao su. Bà Trương Thị L đã thanh lý toàn bộ cây cao su trên đất, chỉ còn lại cây cao su của ông Trương Ngọc L. Hiện nay sau khi bấm máy đo đất của hai bên đều có sự tăng lên là do phương tiện đo đạc chứ không hề có việc ông Trương Ngọc L lấn đất của bà Trương Thị L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Chiến L trình bày: Ông Trương Chiến L không liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị L với ông Trương Ngọc L. Việc đo đạc ngày 17/11/2017 là do bà Trương Thị L chỉ ranh cho các cán bộ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B đi đo, có sự chứng kiến của ông Trương Chiến L, ông Trương Ngọc L và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H. Bà Trương Thị L tự nguyện ký xác nhận ranh đất, ông Trương Chiến L hoàn toàn không ép buộc. Ông Trương Chiến L đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DSST ngày 15/8/2019, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L đối với bị đơn ông Trương Ngọc L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/9/2019, nguyên đơn bà Trương Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị L là không có căn cứ bởi lẽ: Bà Trương Thị L cho rằng chiều dài cạnh phía Bắc của bà Trương Thị L là thiếu 1,5m so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị L, tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị L được cấp không thể hiện chiều dài các cạnh, đồng thời, diện tích đất khi đo đạc thực tế của bà Trương Thị L so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị L là tăng 183,4m^2. Mặt khác, người tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trương Ngọc L, bà Trương Thị L là bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn D xác nhận ông Trương Ngọc L đã xây hàng rào đúng vị trí ranh đất mà bà Nguyễn Thị H, ông Trương Văn D đã chỉ. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn D, ông Trương Chiến L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Phần đất bà Trương Thị L đang quản lý, sử dụng có tổng diện tích qua đo đạc thực tế là 5.716,4m^2, thuộc thửa số 335, tờ bản đồ số 42; phần đất ông Trương Ngọc L đang quản lý, sử dụng có tổng diện tích 5.397,6m^2 thuộc thửa 334, tờ bản đồ số 42. Các phần đất của bà Trương Thị L, ông Trương Ngọc L đều có nguồn gốc do cha mẹ (là ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H) tặng cho vào năm 2006.

[4] Bà Trương Thị L cho rằng phần đất của bà cạnh phía Bắc thực tế chỉ dài 57,8m, thiếu 1,5m so với bản vẽ hồ sơ gốc là 59,3m; số đo phần đất của ông Trương Ngọc L cạnh phía bắc dài 58,5m, tăng lên 1,5m so với số đo bản vẽ hồ sơ gốc là 57m nên khởi kiện yêu cầu ông Trương Ngọc L phải trả lại phần đất

tranh chấp có diện tích 90,7m^2, đồng thời yêu cầu bị đơn phải tự thanh lý và tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp để trả lại đất cho bà. Tài sản trên đất tranh chấp gồm: 26 cây cao su trên 10 năm tuổi (bà Trương Thị L thừa nhận cây cao su là của cha mẹ cho ông Trương Ngọc L) và 01 bức tường bê tông có diện tích 277,89m^2 do ông Trương Ngọc L xây dựng vào tháng 02/2018.

[5] Bị đơn ông Trương Ngọc L cho rằng: Hàng rào do ông Trương Ngọc L xây dựng đúng ngay trên cột mốc và ranh đất đã cắm xác định lại theo biên bản hòa giải thành lập tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 17 tháng 7 năm 2014. Trong quá trình xây dựng thì bà Trương Thị L không hề có ý kiến hay yêu cầu gì. Đồng thời, số đo cạnh phía Bắc phần đất của bà Trương Thị L theo Biên bản hòa giải ngày 17/7/2014 là do đo bằng thước dây, đo theo đường cong của ranh đất nên có thể số đo không chính xác. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Bà Trương Thị L thừa nhận cây cao su trên đất tranh chấp là thuộc quyền sở hữu của ông Trương Ngọc L. Biên bản xác minh ngày 22/5/2019, thể hiện: Ngày 17/7/2014, Hội đồng Hòa giải xã A sử dụng thước dây đo cặp theo đường đất để tiến hành đo đạc, cắm mốc theo sự thỏa thuận của bà Trương Thị L và ông Trương Ngọc L. Thực tế phần đất của bà Trương Thị L cạnh ở phía bắc là đường cong có nhiều đoạn gồm đoạn 35,35m, đoạn 18,60m và đoạn 4,21m (chưa tính phần tranh chấp). Bà Trương Thị L cũng thừa nhận vị trí tường rào mà ông Trương Ngọc L xây dựng trên đất tranh chấp là ngay vị trí mà bà Trương Thị L và ông Trương Ngọc L đã thống nhất ranh theo Biên bản hòa giải ngày 17/7/2014 của Hội đồng hòa giải xã A. Theo Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015: "*Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận của các chủ sở hữu*…". Như vậy, vị trí mà bà Trương Thị L và ông Trương Ngọc L đã thống nhất ranh theo Biên bản hòa giải ngày 17/7/2014 chính là ranh giới giữa 02 thửa đất số 335 của bà Trương Thị L và 334 của ông Trương Ngọc L (ông Trương Ngọc L đã xây hàng rào trên phần đất này).

[7] Đồng thời, Công văn số 596/CNVPĐK-TTHHC về việc cung cấp thông tin đề ngày 01/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị L và ông Trương Ngọc L nêu trên được cấp trên cơ sở đo đạc bằng phương pháp thủ công, không có tọa độ đỉnh thửa, kích thước các cạnh thửa đất, chưa được cập nhật chỉnh lý trên bản đồ địa chính. Mặt khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 524847, vào sổ số H01396 ngày 25/10/2006 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp cho bà Trương Thị L thì phần đất bà Trương Thị L được công nhận quyền sử dụng có diện tích 5.533m^2 (trong đó có 5.294m^2 đất CLN và 239m^2 đất HLBVĐB) thuộc thửa 335, tờ bản đồ số 42. Nhưng qua đo đạc thực tế phần đất của bà Trương Thị L có diện tích 5.716,4m^2 (chưa tính phần diện tích đất tranh chấp) tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 183,4m^2. Do vậy, bà Trương Thị L cho rằng đất cạnh phía Bắc của bà thiếu 1,5m, của ông Trương Ngọc L tăng 1,5m nên khởi kiện yêu cầu ông Trương Ngọc L trả đất là không có căn cứ vững chắc.

[8] Ngoài ra, Ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H là cha mẹ ruột của bà Trương Thị L, ông Trương Ngọc L và cũng chính là người cho ông Trương Ngọc L, bà Trương Thị L đất khẳng định ranh đất cách hàng cây cao su khoảng 01m là để thuận tiện cho việc khai thác mủ cao su, vị trí tường rào mà ông Trương Ngọc L xây dựng là đúng với cột mốc mà năm 2006 ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H đã phân chia đất cho ông Trương Ngọc L và bà Trương Thị L.

[9] Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp.

[10] Kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị L là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp

[12] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DSST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Trương Thị L đã nộp theo Biên lai số 0038527 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trung Dũng